

# Bali, Ngưỡng Cửa Vào Thiên Đường

Võ Quang Yến

## Bài 1: Mũi nhọn du lịch quần đảo Nam Dương



Quần đảo Nam Dương và Bali

Chiếm một khoảng rộng 2000 km bề ngang, hơn 5000 km chiều dọc ở vùng Đông Nam Á, Nam Dương Indonesia là quần đảo lớn nhất thế giới. Kể cả mặt biển, diện tích nước này lên đến 30 triệu km<sup>2</sup>, chỉ riêng đất liền cũng đã 2 triệu, phân phối trên 14.000 hòn đảo. Trong số này chỉ có khoảng 6.000 hòn có người ở, có những hòn lớn như Sumatra, Java,...có những hòn nhỏ như Lambok, Sumba,... Trước kia, thớ mặt biển còn thấp, Nam Dương chưa là quần đảo, Bali và Java dính vào nhau và là một bán đảo của châu Á, còn Lombok thì hợp với châu Úc. Ngày nay, eo biển giữa Bali và Lombok là nơi nước sâu nhất. Sau này, khi Bali và Java tách khỏi lục địa châu Á thì đồng thời Bali và Java cũng rời nhau. Huyền thoại kể lúc ấy một ông giáo sĩ có một đứa con chơi bời lê lững, muốn đày nó đi xa. Hai cha con đi bộ thật lâu, đến một chỗ vắng, ông giáo sĩ lấy ngón tay vạch một đường trên cát giữa hai cha con, niệm một câu thần chú tức thì nước biển chảy vào tách rời Bali ra khỏi Java.



Thôn làng vùng Ubud

Tuy trước kia thuộc cùng một lục địa, mỗi hòn đảo có một tính chất riêng biệt, vẻ đẹp đặc thù của mình, nhưng Bali đặc biệt được đưa ra làm mũi nhọn du lịch cho cả quần đảo. Từ tk XVI, trong khi các nước châu Âu đang mịt mù khói lửa với những cuộc chiến tranh tôn giáo thảm khốc, châu Á được xem như là một vùng xa xăm, mọi rợ vì không có tín ngưỡng, khó lòng giao du, nhưng cũng là nơi núi sông hiểm trở, phong tục lạ lùng, dễ bề hấp dẫn kẻ giang hồ mạo hiểm. Chính những người thích phiêu lưu đầu tiên đã đem về châu Âu những nhận xét về phong cảnh cũng như những phân tích về đời sống ở châu Á. Dần dần những thương thuyền châu Âu vượt đại dương, lần la lại gần các bờ biển phương đông, can đảm đi tìm nơi buôn bán. Từ Bali, phong cảnh những hàng dừa chạy dọc các bãi biển cát vàng êm dịu, những điệu nhạc lạ tai nhưng trầm bổng, hình ảnh những cô gái da ngăm, mắt đen lánh, tóc xỏa dài, lấm lức ở trần không mặc áo,... đã được đưa về, biểu tượng một cảnh tượng thiên đường ở thế gian. Người bản xứ kể cho khách nghe huyền thoại nguyên thủy của họ. Thuở mặt đất mới sẵn sàng đón nhận nhân loại, hai vị thần Batana Guru và Brahma đua nhau nặn tượng hình người nhưng nặn mãi chẳng ra hình thù thích muốn. Nghĩ phải cần cho thêm một chút màu sắc gì, họ bỏ vào lò nung đốt, mong ngọn lửa biến hóa tượng hình. Lần đầu tiên nung không đủ lâu, các tượng vẫn còn trắng. Lần thứ hai, nung quá lâu, tượng trở thành đen thui. Qua lần thứ ba, thời gian nung đúng mức, các tượng nhuộm một màu da ngăm, thích hợp cho cả hai vị thần. Họ liền niệm thần chú thổi sinh khí vào hình tượng làm thành dân tộc khởi nguyên Bali. Thật ra không ai biết con người đã lại định cư ở Bali thuở nào. Nếu người Homo erectus đã được khám phá ở đảo Java kế cạnh, ngành khảo cổ cũng phát hiện ra được ở Bali những dụng cụ thời đại đồ đá. Vào lúc hiện ra những trống đồng loại Đông Sơn, khoảng 500 năm trước Công nguyên, Bali đã đông đúc dân cư. Ảnh hưởng trực tiếp văn minh Ấn Độ đã thấm nhuần tư tưởng họ. Vào tk IX, nhiều chứng tích Phật giáo thấy được ghi khắc vào đá.



*Nhà cửa, chợ búa ở Kusamba và Bedugul*

Qua tk XI, Bali bị vương triều Majapahit ở Java qua thôn tính, từ đó Ấn giáo bắt đầu phát triển, nhất là ở kinh đô Gelgel, miền nam đảo. Cuối tk XV, vương quốc Hồi giáo Demak miền bắc Java lần chiếm toàn đảo, đánh đổ đế quốc Majapahit, Bali nhân đó thoát khỏi nền đô hộ Java. Trong khi Hồi giáo ngày càng lan rộng khắp quần đảo Nam Dương, Bali thành công chống cự và trở nên nơi bảo tồn Ấn giáo. Nhiều trí thức, vương hầu, nhiều nghệ sĩ, thợ giỏi, nhiều nhà quyền quý, thế lực rời bỏ Java, vượt biên qua lánh nạn ở Gelgel, giúp Bali mở mang một nền văn hóa đặc thù. Một số lớn văn bản về di tích cổ truyền, tục lệ tập quán, căn bản ngôn ngữ Java được bảo tồn ở Gelgel. Nhưng cũng từ đó Bali và Java trở nên thù địch. Cuối tk XVII, nhiều rắc rối lung củng nội bộ buộc triều chính phải dời kinh đô Gelgel lên Klungkung. Tuy kinh đô mới không cách xa bao lắm, hậu quả là vương quốc tan rã, nhiều tiểu quốc ra đời. Mặc dầu chính thức phục tùng Klungkung, các tiểu quốc thật ra tranh dành quyền lực với nhau. Bắt đầu từ tk XIX, lịch sử Bali đi đôi với cuộc xâm lăng Hòa Lan. Thương thuyền Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh Cát Lợi rạch biển ngoài khơi Bali từ đầu thế kỷ XVI mà mãi

đến năm 1597 mới có một hạm đội Hòa Lan chính thức cập bến, lâu dài hơn những lần ghé mua thức ăn hay tìm nước uống. Lúc ban đầu chỉ là hợp tác thương mại, trao đổi ngoại giao và, nếu cần, thám hiểm rừng biển. Những báo cáo đầu tiên đưa về châu Âu trình bày Bali như là một miền đất phì nhiêu sản xuất lúa, bông, hương liệu đủ thứ, triều đình lại là nơi xa hoa, lộng lẫy, vàng bạc sáng chói ở mọi đồ trang sức, dụng cụ. Thêm vào, đó, Bali có thể lập thành tiền đồn để đi xâm chiếm các đảo khác. Vương triều Bali tuy không hùng mạnh, cũng có khả năng tức khắc "động viên 30 vạn bộ binh, 10 vạn kỵ binh" thể hiện một đồng minh đặc lực trong tương lai để chống chọi những vương triều Hồi giáo các đảo kế cạnh.



*Chợ búa vùng Bedugul*

Cùng đi với những thương gia là các nhà học giả. Họ tin Bali là nơi sống sót một hệ thống tôn giáo Ấn Độ đã từng chế ngự miền Đông Nam Á nghĩa là một viện bảo tàng sống của nền văn minh Java xưa. Tuy nhiên, họ cũng trách người Bali thiếu văn minh đã làm thoái hóa nền Ấn giáo cao cả trước kia, mặc dầu đồng thời làm tan rã chế độ phong kiến của những vị quân chủ tàn bạo đã duy trì một sự phục tùng quá đáng của dân cư. Từ thương mại qua văn hóa, từ văn hóa qua chính trị, một bước dễ vượt qua. Dần dần người Hòa Lan muốn trực tiếp điều khiển, nhất là họ cho Bali không có chính phủ, các tiểu vương chỉ biết lợi dụng sự từng phục của người dân để trị vì: vua chúa xem dân như kẻ nô tỳ, đục đầu xử chém đầu, bắt các bà góa bụa nhảy vào đồng lửa tự thiêu theo chồng,...Họ cho người Bali còn dã man, cần phải được cai trị, cần phải được khai hóa.

Luận điệu này sao nghe quen quá, mặc dầu ở một xứ khác thì có những lý do khác. Để bắt đầu, Hòa Lan chỉ buộc các tiểu vương thừa nhận chủ quyền của mình qua các hiệp ước thương mại. Không thành công, họ dùng quân lực chiếm đóng các tiểu quốc Buleleng, Jembrana ở miền bắc, rồi Karangasem ở phía đông. Đầu tk XX, bị Klungkung đe dọa, Gianyan không biết làm gì hơn là chạy lại cầu cứu quân Hòa Lan. Cồng rắn cắn gà nhà đã từng thấy trong lịch sử. Năm 1904, một chiếc ghe của người Hòa Lan bị mắc cạn ở Sanur, miền nam đảo, bị dân Bali cướp mất mọi đồ đạc. Người Hòa Lan buộc tiểu vương Badung chịu trách nhiệm và phải bồi thường một số tiền lớn. Được Tabanan và Klungkung ủng hộ, Badung mạnh dạn từ chối. Thương thuyết mãi không thành, quân Hòa Lan đổ bộ lên Sanur và tiến về kinh đô Denpasar. Mặc dầu nhiều can đảm và đầy khí khái, người Bali không sao đương đầu nổi với súng ống Hòa Lan. Và đây diễn ra một biến cố vô tiền khoáng hậu trong lịch sử thế giới.



*Phong cảnh vùng Ubud*

Để tránh một cuộc đầu hàng nhục nhã, trọn vẹn triều đình Badung, từ vua chúa, vợ con, họ hàng cho đến giáo sĩ, quân binh, quan chức cùng các nghệ sĩ, nô tỳ, dân quê không cùng đẳng cấp nhưng thuộc quyền nhà vua, tổ chức một cuộc quyền sinh tập thể ngày nay còn truyền tụng qua danh từ puputan trong ngày Tận số. Toàn mặc áo quần trắng tinh, cài hoa và mang đủ đồ trang sức tráng lệ, đàn ông đặc biệt mang thanh kiếm tượng trưng kriss lóng lánh ngọc bích, giữa tiếng trống, tiếng mõ, giữa khói lửa mịt mù, tiếng nổ rầm trời tạc đạn đại phá, họ tuần tự, thản nhiên tiến lại quân địch như diễn viên trên sân khấu ra chào cảm ơn khán giả. Lẽ tất nhiên, họ tiếp tục nhau ngã gục dưới làn đạn của quân Hòa Lan. Để cho chắc chắn là tất cả cùng nhau hiến thân, nhiều ông đã lầy liếm đâm vợ, nhiều bà đâm con trước khi chính mình bị bắn chết. Cảnh tượng vô cùng khủng khiếp để sợ này được Vichi Baum miêu tả trong cuốn truyện Liebe and Tod in Bali (bản dịch tiếng Pháp Sang et Volupté à Bali) rùng rợn, có phần bi thảm hơn cả những câu về Thất thủ Kinh đô kể lại biến cố năm 1885 ở Huế tương đương với biến cố Mậu Thân...Cuộc tàn sát tiểu vương Badung mở cửa rộng cho quân Hòa Lan vào Bali. Ngay sau đó đến lượt vương tộc Pemacutan cũng bỏ mình trong một cuộc quyền sinh tương tự, còn gia đình tiểu vương Tebanan thì tự sát khi bị bắt. Sau đó, quân Hòa Lan tấn công Klungkung, lại diễn ra một puputan khác. Tiếp sau tiểu vương Bangli đầu hàng, quân Hòa Lan làm chủ toàn đảo rồi từ đấy đi chiếm cứ các đảo kế cạnh và qua năm 1910 thì thống nhất tất cả quần đảo Nam Dương thành một thuộc địa chạy dài từ Borneo đến Irian Jaya.

Bắt đầu từ đây, quá trình phát triển Bali đi đôi với lịch sử Nam Dương và lịch sử Nam Dương diễn biến song song với lịch sử Việt Nam, ít nhất cũng cho đến ngày hai nước tuyên bố độc lập. Những bạn đọc cùng tuổi tôi chắc còn nhớ những ngày xuống đường năm 1945 ủng hộ Nam Dương đòi độc lập. Hòa Lan dựa lên Nam Dương để xây dựng nền kinh tế của mình cũng như để thực hiện kỹ nghệ của "mẫu quốc". Đầu tk XX, Nam Dương là một nước sản xuất tiêu và quinin lớn nhất thế giới, cung cấp một phần ba cao su, một phần năm trà,



*Đời sống ở Kusamba và Mengwi*

cà phê, đường, dầu tổng lượng thế giới. Nhưng Nam Dương vẫn luôn nghèo khổ. Nhiều tổ chức chính trị ra đời tranh đấu cho một cuộc sống đầy đủ hơn. Quan trọng nhất là phong trào Hồi giáo (từ 1909) và đảng Cộng sản (từ 1920). Năm 1927, một kỹ sư trẻ tuổi, Sokarno, thành lập một đảng quốc gia nhưng ông sớm bị bắt và đưa đi đày. Ngày 9 tháng ba năm 1945 (không phải tình cờ) Nhật Bản đảo chính Hòa Lan và ngày 17 tháng tám năm đó nước Nam Dương Cộng hòa ra đời với Sokarno làm tổng thống. Như Pháp ở Đông Dương, Hòa Lan khư khư muốn dành lại thuộc địa và năm 1946 tái chiếm Bali. Mãi đến ngày 17 tháng tám năm 1950, đúng 5 năm sau lần thứ nhất, được Liên hiệp quốc dàn xếp, nước Cộng hòa Nam Dương thống nhất thật sự độc lập ra đời luôn với Sokarno làm tổng thống. Khó khăn rất nhiều cho một nước thế giới thứ ba muốn vươn lên nhất là Sokarno theo đuổi một con đường chính trị quá chống đối tây phương. Thêm vào đó, Hòa Lan vẫn còn lăm le muốn chiếm lại đảo Irian Jaya.



*Dân cư ở Bedugul và Singaradja*

Nền kinh tế Nam Dương trở nên vô cùng khủng hoảng với một cuộc lạm phát lên đến 680% năm 1965. Một nhóm sĩ quan trẻ tuổi, mà chính quyền cho là được đảng Cộng sản khuyến khích, tìm bắt và xử tử sáu vị đại tướng. Một ông may tránh khỏi là Suharto lập tức được đưa lên làm tổng tư lệnh quân đội để đối phó với tình hình cấp bách. Mặc dầu trách nhiệm của đảng Cộng sản Nam Dương trong cuộc đảo chính này không được chứng minh rõ ràng, đảng bị chụp mũ là thân chính quyền Bắc Kinh đồng thời Hoa kiều ở Jakarta bị ghen ghét vì làm ăn phát đạt, được đưa ra làm dê tế thần: một cuộc lùng bắt diễn ra trước ở Sumatra, sau qua Java, Lambok, Bali,...giết hại hàng chục ngàn người. Đây là biến cố đau buồn nhất của Nam Dương từ ngày độc lập. Sau đó, cuộc tranh giành quyền lực giữa hai nhà lãnh tụ kéo dài đến 1965 là năm Suharto được chính thức bầu làm tổng thống thứ nhì Nam Dương. Công việc ưu tiên của ông tân tổng thống là tu bổ nền kinh tế đang kiệt quệ, ngăn chặn lạm phát đang leo thang. Nhiều cố vấn Hoa Kỳ được mời giúp sức, nhiều nhà tư bản bắt đầu lại đầu tư, khai thác gỗ rừng, các mỏ đồng, thiếc và nhất là dầu khí. Tuy khám phá ra từ năm 1883, gần đây Nam Dương mới đạt đến mức độ các nước sản xuất dầu khí lớn nhất thế giới. Lợi tức quốc gia vọt nhảy nhưng chính quyền luôn cần rất nhiều tiền vì ngoài công việc củng cố quân đội, cảnh sát, còn phải mở mang công vụ, chỉnh đốn từ hạ tầng cơ sở, đương sá cầu cống, đến các ngành giao thông giáo dục cũng như nhân khẩu, chức nghiệp,...Từ đây, nảy ra ý kiến tu bổ, cải thiện một nguồn thu nhập mới là ngành du lịch. Ở Bali, thật ra không phải đợi đến độc lập vấn đề du lịch mới được đề cập đến. Sau những biến cố puputan khủng khiếp, chính quyền Hòa Lan có phần bối rối và như muốn người ta quên đi cuộc giết chóc tàn bạo tuy không phải lỗi hoàn toàn tại họ. Họ tuyên dương Bali là nơi mang nặng giá trị văn hóa cần phải giữ gìn và đưa hình thức "du lịch văn hóa". Vì đã xem Bali như là một viện bảo tàng sống nền văn minh Ấn Độ - Java, họ muốn không những bảo vệ Bali chống mọi tiếp xúc với đời mới tối tân có thể đem lại ảnh hưởng tệ hại, mà còn muốn dạy cho người Bali biết bảo tồn bản chất thuần túy của mình trong một chương trình "Bali hóa Bali". Qua giáo dục ngôn ngữ, văn chương, nghệ thuật, họ thúc đẩy thanh niên Bali ý thức rõ ràng tài sản phong phú của dân tộc mình.



*Thiếu phụ và thiếu nữ ở Goa Lawah và Kuta*



Ngay sau đấy, nghĩa là từ 1908, sở du lịch bắt đầu tiến hành. Tuy nhiên, cũng phải đợi đến đầu thập niên 20 mới thấy khách bắt đầu lại viếng Bali và khách sạn lớn đầu tiên, Bali Hotel, chỉ được xây lên ở Denpasar năm 1928. Đến lượt những du khách quảng cáo cho Bali. Trong số này phải kể tác giả người Đức Gregor Krause cho ra một cuốn sách tái bản nhiều lần, trình bày thiên nhiên và con người, từ rừng rậm cây ngàn, hội hè đình đám qua hình tượng chạm trở nhân thể trần trụi. Đợt khách thứ nhì đến Bali là các nghệ

sĩ. Trong những năm đầu thập niên 1930, họa sĩ cũng người Đức Walter Spies mở xưởng ở Ubud, miền trung hòn đảo, và thành lập "làng nghệ sĩ" với những nhà cộng sự có tên tuổi như Margarel Mead, Gregory Bateson. Một họa sĩ khác, Miquel Covarrubias, người Mỹ Tây Cơ, cũng là một nhà dân tộc học, cùng với phu nhân Rose, người Hoa Kỳ, soạn thảo một cuốn sách đầy thú vị về văn hóa, Island of Bali. Bắt đầu từ đây, khách du lịch ngày càng đông đến nỗi có người kêu la: Coi chừng, Bali đang bị du lịch đe dọa, Bali rồi sẽ hết còn Bali. Một cuộc tranh luận sôi nổi trên đề tài du lịch bắt đầu từ hồi ấy. Người lạc quan không tin Bali sẽ mất nhân cách vì con người Bali có khả năng đồng hóa, họ không chịu nhượng bộ dù chút nhỏ cốt yếu bản chất mình. Được vậy là nhờ họ không phải đồ vật thụ động để ngắm nhìn mà là cá nhân năng động có khả năng xây dựng chẳng hạn những cuộc biểu diễn theo thị hiếu của khách nhưng vẫn giữ nguyên lễ nghi cổ truyền của mình. Khách thích, xem đông thì tài chánh trở nên dồi dào, nghệ sĩ có thêm điều kiện để hoàn hảo cuộc trình diễn, từ đó khách lại càng nhiều thêm. Luận pháp này như tưởng được nhà cầm quyền chấp nhận và ủng hộ vì năm 1978, Suharto bổ nhậm làm thống đốc đảo, giáo sư Bagus Mantra, một người rất am tường văn hóa, thay thế một viên đại tá người Java thiêu kiến thức mà Bali phải chịu đựng từ ngày Sokarno xuống chức.

Bắt đầu từ đây, Bali đóng góp rất lớn vào ngân quỹ quốc gia, đồng thời củng cố địa vị của đảo trong tập thể Nam Dương. Thành thử câu hỏi không phải là văn hóa Bali có sống còn được không sau cuộc tiếp xúc với du lịch ngoại quốc mà bản chất văn hóa Bali là gì ?

Võ Quang Yến

Ghi Chú: Ảnh chụp hai năm 1992 và 1996, sao từ dương bản